

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PT
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 227/2017/DS-ST

Ngày: 29-9-2017

V/v tranh chấp: “Về đòi tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ngân.

2. Ông Võ Văn Tám.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bạch Tuyết – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 143/2017/TLST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp “Đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2017/QĐXX-ST, ngày 28 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hồ Thị H, sinh năm 1967.

Địa chỉ: ấp PA, xã AB, huyện TS, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Trần Thị Ngọc A, sinh năm 1991.

Địa chỉ: ấp PA, xã AB, huyện TS, tỉnh An Giang.

Là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 671, Quyền số 01.SCT/CK ngày 28/6/2017 của UBND xã AB, huyện TS.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Hòa B (tên gọi khác: Hai R), sinh năm 1963.

2.2. Bà Nguyễn Thị H (tên gọi khác: Hồ Thị D), sinh năm 1963.

Cùng địa chỉ: Tổ 07, ấp HH, xã HX, huyện PT, tỉnh An Giang.

(Chị Ngọc A có mặt; ông Hòa B và bà H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 15/6/2017 của bà Hồ Thị H và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn là Trần Thị Ngọc A trình bày:

Bà H là em ruột của bà Nguyễn Thị H. Ngày 07/3/2015, bà H có cho vợ chồng ông Hòa B và bà H mượn 300.000.000 đồng, có làm biên nhận cùng ngày do ông Hòa B, bà H cùng ký và ghi họ tên. Đến tháng 3/2016, ông Hòa B, bà H có trả vốn được 60.000.000 đồng thì ngưng cho đến nay vẫn còn nợ vốn 240.000.000 đồng. Nay bà H khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Hòa B, bà H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H số tiền vốn còn nợ là 240.000.000 đồng.

Ngày 07/7/2017, bà H có đơn yêu cầu giám định chữ ký của ông Hòa B, bà H trong biên nhận ngày 07/3/2015.

Tại Kết luận giám định số 284/KLGT-PC54 ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang kết luận:

- Chữ ký mang tên Hồ Thị D trên tờ “Biên nhận” ngày 07/3/2015 so với Chữ ký của Hồ Thị Diễm trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký ra.

- Chữ ký mang tên Nguyễn Hòa B trên tờ “Biên nhận” ngày 07/3/2015 so với Chữ ký của Nguyễn Hòa B trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký ra.

Ông Nguyễn Hòa B và bà Nguyễn Thị H đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án nhưng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập ông Hòa B, bà H đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng ông Hòa B, bà H vẫn vắng mặt, không rõ lý do.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu về quá trình tiến hành tố tụng như sau:

Về tố tụng: Tòa án tiến hành thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án cũng như ban hành văn bản tố tụng, cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng đúng quy định.

Về nội dung: Biên nhận ngày 07/3/2015 thể hiện ông Hòa B, bà H có mượn bà H số tiền 300.000.000 đồng, đến tháng 3/2016, ông Hòa B, bà H có trả vốn được 60.000.000 đồng thì ngưng cho đến nay vẫn còn nợ vốn 240.000.000 đồng chưa trả. Tại Kết luận giám định số 284/KLGT-PC54 ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang kết luận chữ ký trong biên nhận này do của ông Hòa B, bà H ký ra nên bà H khởi kiện là có căn cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Hòa B, bà H trả số tiền mượn còn nợ nên quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp đòi tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Ông Hòa B, bà H với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp Hiệp Hòa, xã Hiệp Xương, huyện PT, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang.

Ông Hòa B và bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, sự vắng mặt của ông, bà không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông, bà và không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông, bà là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

Bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Hòa B, bà H trả số tiền mượn còn nợ là 240.000.000 đồng căn cứ theo biên nhận nợ ngày 07/3/2015. Tòa đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông Hòa B, bà H vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không tham dự phiên tòa. Tuy, ông Hòa B, bà H không trình bày quan điểm của mình nhưng tại Kết luận giám định số 284/KLGT-PC54 ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang kết luận chữ ký của ông Hòa B, bà H trong biên nhận ngày 07/3/2015 so với các mẫu so sánh là do một người ký ra. Do đó, đủ căn cứ để xác định ông Hòa B, bà H đã ký nhận nợ bà H số tiền là 300.000.000 đồng.

Xét thấy, sau khi trả được 60.000.000 đồng, còn lại 240.000.000 đồng, phía nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu phía bị đơn thanh toán nợ nhưng đến nay phía bị đơn vẫn không thực hiện là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Theo khoản 1 Điều 164 của Bộ luật Dân sự 2015 quy định: *“Chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản có quyền yêu cầu Tòa án, cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác buộc người có hành vi xâm phạm quyền phải trả lại tài sản, chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật việc thực hiện quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại. Đối chiếu với quy định này thì bà H khởi kiện yêu cầu ông Hòa B, bà H liên đới chịu trách nhiệm trả số tiền còn lại là 240.000.000 đồng là phù hợp. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát buộc ông Hòa B, bà H phải liên đới chịu trách nhiệm trả cho bà H số tiền là 240.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi triệu đồng).*

[3] Án phí, chi phí tố tụng:

Về án phí: Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì:

- Ông Hòa B, bà H phải liên đới chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ trả nợ là 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng).

- Bà H không phải chịu án phí. Hoàn trả lại số tiền số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) theo biên lai thu số 0015992 ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT, tỉnh An Giang.

Về chi phí giám định: kết quả giám định chứng minh yêu cầu của bà H là có căn cứ nên theo quy định tại khoản 2 Điều 161 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vợ chồng ông Hòa B, bà H phải chịu chi phí giám định là 2.100.000 đồng theo Phiếu thanh toán bồi dưỡng giám định số 284/KLGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang. Do bà H đã nộp đủ chi phí giám định nên ông Hòa B, bà H phải liên đới hoàn trả số tiền này lại cho bà H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 161; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 164; Điều 288; Điều 357; khoản 2 Điều 468; điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự 2015;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Buộc ông Nguyễn Hòa B và bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Hồ Thị H số tiền là 240.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi triệu đồng).

2. Án phí, chi phí tố tụng:

Về án phí:

- Ông Hòa B, bà H phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng).

- Hoàn trả cho bà H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) theo biên lai thu số 0015992 ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT, tỉnh An Giang.

Về chi phí giám định: Ông Hòa B, bà H phải chịu chi phí giám định là 2.100.000 đồng (hai triệu một trăm nghìn đồng). Do bà H đã nộp đủ chi phí giám định nên ông Hòa B, bà H có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà H số tiền là 2.100.000 đồng (hai triệu một trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hữu Nghĩa